

标准教程
Giáo trình chuẩn

HSK

主编: 姜丽萍

编者: 么书君
杨慧真

越文翻译:

阮氏明红 博士
胡志明市师范大学 教师

Chủ biên: Khương Lệ Bình

Biên soạn: Yên Thư Quân
Dương Tuệ Chân

Bản dịch tiếng Việt:

Tiến sĩ Nguyễn Thị Minh Hồng
Giảng viên trường Đại học Sư phạm
Thành phố Hồ Chí Minh

练习册
Sách bài tập

6

下

Tập 2

NTV

Công ty TNHH
Nhân Trí Việt



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



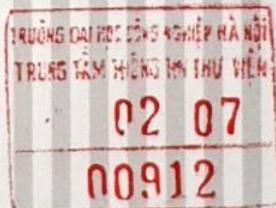
dùng kèm với
một đĩa MP3

标准教程
Giáo trình chuẩn

HSK

主编: 姜丽萍

编者: 么书君
杨慧真



Chủ biên: Khương Lệ Bình
Biên soạn: Yêu Thư Quân
Dương Tuệ Chân

越文翻译:

阮氏明红 博士
胡志明市师范大学 教师

Bản dịch tiếng Việt:

Tiến sĩ Nguyễn Thị Minh Hồng
Giảng viên trường Đại học Sư phạm
Thành phố Hồ Chí Minh

练习册

Sách bài tập

6 下 Tập 2

Người kiểm tra

1. Nguyễn Thị Minh Hồng
2. Dương Tuệ Chân

NTV
Công ty TNHH
Nhân Trí Việt


NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Giáo trình chuẩn HSK 6 (Tập 2) – Sách bài tập

Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh giữ bản quyền bản tiếng Trung Quốc © 2018.

Công ty TNHH Nhân Trí Việt giữ bản quyền bản dịch tiếng Việt © 2019.

Ấn bản này được xuất bản tại Việt Nam, theo hợp đồng chuyển nhượng bản quyền giữa Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, Công ty TNHH Công nghệ giáo dục Hán khảo quốc tế Bắc Kinh (Hanban) và Công ty TNHH Nhân Trí Việt.

Không phần nào trong cuốn sách này được phép sao chép, lưu trữ, đưa vào hệ thống truy cập hoặc truyền tải bằng bất kỳ hình thức hay phương tiện nào – thiết bị điện tử, ghi âm, sao chụp, thu hình, phát tán qua mạng hoặc bất cứ hình thức nào khác – khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của chủ bản quyền.

使用说明

《HSK 标准教程 6 练习册》与《HSK 标准教程 6》配套使用，全书分上、下两册，每册 20 课，共计 40 课，每课设置听力、阅读和书写三个部分。练习册在编写设计上体现了“考教结合、以考促教”的编写理念，内容与 HSK（六级）考试接轨，题型设置、话题选取、语料长短、命题角度等均与真题一致，目的在于使学生得到全面有效的训练与提高。

1. **听力。**听力部分包括听短文选择与所听内容一致的选项、听采访选择正确答案、听文章选择正确答案三类试题。

2. **阅读。**阅读部分包括选出有语病的句子、选择合适的词语填入短文的空白处、选择合适的句子填入短文的空白处、读短文选择正确答案四类试题。

3. **书写。**书写部分为根据阅读材料进行缩写。由于教材中每一课都有相似的写作练习，故练习册每 4 课（位于每单元最后一课）设计一次写作。

上册练习册附录部分提供 HSK（六级）介绍，方便学习者全面了解该等级考试的基本情况；下册练习册附录部分提供 HSK（六级）模拟试卷一套，力求以教材所学的生词及语言点为考察重点，话题和难度尽可能地贴近真题，学习者可通过模拟试卷进行学前检测。

练习册是教材课后练习的延伸与补充，各课的题目数量按每套六级真题三分之一的比例进行缩减（参见下面的对照表），既保证了必要的练习量，又不会使学习者感到任务过于繁重。

考试内容		试题数量（个）				答题时间（分钟）	
		真题		练习册		真题	练习册
一、听力	第一部分	15	50	5	17	约 40	约 15
	第二部分	15		5			
	第三部分	20		7			
二、阅读	第一部分	10	50	3	19	50	20
	第二部分	10		3			
	第三部分	10		5			
	第四部分	20		8			
三、书写	作文	1		1（每单元一题）		45	45
共计	/	101		36/37		约 135	约 35/80

注：每单元最后一课设计有作文。没有作文时，共计 36 题，建议完成时间约为 35 分钟；有作文时，共计 37 题，建议完成时间约为 80 分钟。

HSK(六级)考试与前五级考试明显的差异在于以下几点:一是词汇量大。六级新增词汇2500个,而且六级试题语料对生词没有限制,这就需要考生除了注意词语的日常积累以外,还必须具备根据语境理解词语的能力。二是语言点考察以成语、各类虚词以及复杂的复句结构为主,考试侧重在不同语境下对汉语的理解和综合运用上。三是话题的深度明显提高。虽然六级话题大类并未明显变化,但各类话题涉及的内容较之前有明显的扩展和深化。四是书面语体色彩明显。书面语体是在口语语体的基础上发展形成的,一般比较舒展、严密、文雅,词汇量也较口语丰富。五是更加重视篇章写作能力的考察。

针对以上变化,我们在练习册的编写中,不仅重视每课话题的深度和广度、语体色彩的突显、语言点和课文所学词语在练习中的复现,更注重词汇的拓展。如:“串”在课文中用为量词、练习册中用为动词,“大意”课文中用为形容词“dàyi”、练习册中用为名词“dàyi”,加入由旧字构成的新词(“触摸”)、成语(“自然而然”)、方言词(“一股脑儿”)以及常用纲外词(“青睐”)等。

应该说,与五级相比,HSK(六级)对于学习者的词汇量以及在语境中正确理解词义的能力,都要求有一个跨越式的提高。为了使五级与六级考试对接,我们特意在《HSK标准教程6》每课“热身2”环节设计了“想一想下列词语之间有什么联系”的练习,我们相信,这样的日积月累,一定能滴水穿石,也希望学习者能在练习册的使用中有所感受。

本练习册建议教师以作业形式布置给学习者,完成练习后学习者可对照答案评估学习效果。学习者共同的问题,教师可择机在课堂上进行解答。

以上是对本练习册使用方法的一些说明和建议,教师在教学过程中可以根据实际情况灵活使用。希望这本练习册可以帮助每位学习者在汉语学习上取得更大收获,顺利通过HSK(六级)考试。

编者

目 录

第六单元 趣味世界	7
21 未来商店	8
22 2050 年的汽车什么样?	16
23 大数据时代	24
24 体育明星们的离奇遭遇	32
第七单元 经典阅读	41
25 草船借箭	42
26 奇异的灯光	50
27 完璧归赵	58
28 高山流水遇知音	66
第八单元 人体探秘	75
29 “笑”的备忘录	76
30 你睡好了吗?	84
31 运动的学问	92
32 有时,不妨悲伤	100

第九单元 古今博览	109
33 怀念慢生活	110
34 为文物而生的人	118
35 走近木版年画	126
36 中国古代书院	134
第十单元 热点追踪	143
37 警察的故事	144
38 慧眼捕捉商机。.....	152
39 互联网时代的生活	160
40 人类超能力会改变世界纪录吗?.....	168
附录: HSK (六级) 模拟试卷	177